

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **21** /2016/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **15** tháng 7 năm 2016

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN
Giới: **S**
Ngày: **18/7**

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành “Quy định về quản lý đầu tư và xây dựng
bằng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Nam”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý đầu tư và xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Nam”.

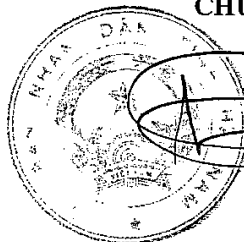
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: “Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2010 ban hành Quy định về quản lý đầu tư và xây dựng bằng nguồn vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2010 về việc sửa đổi Điều 9 Quy định về quản lý đầu tư và xây dựng bằng nguồn vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2012 sửa đổi Điều 6 Quy định về quản lý đầu tư và xây dựng bằng nguồn vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2012 ban hành Quy định trình tự thủ tục trong quản lý đầu tư, sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và trái phiếu Chính phủ”; các văn bản khác của Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ~~th~~

Nơi nhận:

- Các Bộ: XD, KHĐT, TP; Cục KTVBQPPL (Bộ TP);
- Công TTĐT Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VPUB: CPVP, các CV;
- CB Hà Nam; Báo Hà Nam, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, XD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đông

QUY ĐỊNH

**Về quản lý đầu tư và xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư công
trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2016/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý đầu tư và xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Bao gồm phân cấp quản lý nhà nước dự án đầu tư công và trách nhiệm bố trí vốn đầu tư công; chủ trương đầu tư; quyết định đầu tư; dự toán; đấu thầu; quyết toán vốn đầu tư; giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công.

Các nội dung khác về quản lý đầu tư và xây dựng không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 3. Quản lý nhà nước về đầu tư công

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về đầu tư và xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Nam và thực hiện phân cấp quản lý nhà nước về đầu tư công.

Điều 4. Phân cấp quản lý nhà nước về đầu tư dự án đầu tư công

1. UBND tỉnh trực tiếp quản lý các dự án đầu tư công do các Sở, Ban, Ngành của tỉnh quản lý, sử dụng; dự án liên quan đến quy hoạch vùng; dự án sử dụng liên huyện, thành phố trong tỉnh; dự án có ý nghĩa chiến lược và trọng điểm; dự án an ninh quốc phòng; dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư có sử dụng vốn đầu tư công.

2. UBND các huyện, thành phố (gọi chung là UBND cấp huyện) trực tiếp quản lý các dự án đầu tư công do các phòng ban, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý sử dụng; dự án liên xã, phường, thị trấn trên địa bàn.

3. UBND xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND cấp xã) trực tiếp quản lý các dự án trong phạm vi xã, phường, thị trấn, do cấp xã quản lý, sử dụng.

Điều 5. Phân cấp quản lý nhà nước vốn đầu tư công và trách nhiệm bố trí vốn đầu tư công

1. UBND tỉnh quản lý các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn đầu tư công khác (vốn nhà nước ngoài ngân sách); có trách nhiệm bố trí vốn đầu tư công do tỉnh quản lý cho các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của tỉnh. Ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư các dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

2. UBND các huyện, thành phố quản lý vốn đầu tư trong cân đối (bao gồm vốn ngân sách tập trung và vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất phân cấp theo Nghị quyết HĐND tỉnh) và vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp huyện; có trách nhiệm bố trí vốn đầu tư công do cấp huyện quản lý cho các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện và quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Ngân sách cấp huyện hỗ trợ đầu tư các dự án do cấp xã quản lý theo Nghị quyết HĐND cùng cấp và khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện.

3. UBND cấp xã quản lý vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất được phân cấp theo Nghị quyết HĐND tỉnh và vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp xã; có trách nhiệm bố trí vốn đầu tư do cấp xã quản lý cho các dự án do xã quản lý, sử dụng.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ, ĐẦU THẦU, QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

Mục 1

Chủ trương đầu tư

Điều 6. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư

1. UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C do tỉnh quản lý, trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B do tỉnh quản lý.

2. UBND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C do cấp huyện quản lý, trình HĐND cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B do cấp huyện quản lý.

3. UBND cấp xã quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C do cấp xã quản lý, trình HĐND cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B do cấp xã quản lý.

Điều 7. Trình tự thủ tục quyết định chủ trương đầu tư

1. Trình tự, thủ tục (thuộc trách nhiệm của tỉnh) quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A do tỉnh quản lý

Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Giao cơ quan chuyên môn hoặc UBND cấp huyện tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (BCNCTKT);

b) Thành lập Hội đồng thẩm định do một Phó chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, Sở Kế hoạch và Đầu tư là Thường trực Hội đồng thẩm định và các sở, ban, ngành liên quan là thành viên để thẩm định BCNCTKT, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

c) Chỉ đạo cơ quan quy định tại Điểm a Khoản này hoàn chỉnh BCNCTKT theo ý kiến thẩm định quy định tại Điểm b Khoản này, báo cáo UBND tỉnh;

d) Trình HĐND tỉnh cho ý kiến trước khi UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương đầu tư.

2. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ do địa phương quản lý:

a) Đối với dự án nhóm B:

- Dự án nhóm B do tỉnh quản lý: UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định do một Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, Sở Kế hoạch và Đầu tư là Thường trực Hội đồng để thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi trình HĐND tỉnh cho ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Sau khi HĐND tỉnh chấp thuận, UBND tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

- Dự án nhóm B do cấp huyện, cấp xã quản lý: UBND cấp huyện, cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; trình HĐND cùng cấp xem xét, chấp thuận Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trước khi trình UBND tỉnh. UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND các cấp trình HĐND cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư của dự án thuộc cấp mình quản lý, bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện.

b) Đối với dự án nhóm C:

- Dự án nhóm C do tỉnh quản lý: UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

- Dự án nhóm C do cấp huyện, cấp xã quản lý: UBND cấp huyện, cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án, gửi Sở kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND các cấp quyết định chủ trương đầu tư của dự án bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện.

3. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư:

a) Đối với dự án nhóm B, nhóm C do tỉnh quản lý sử dụng vốn ngân sách tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trình UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm C, trình UBND tỉnh để báo cáo HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm B.

b) Dự án nhóm B, nhóm C do cấp huyện, cấp xã quản lý, sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã; UBND cấp huyện, cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án.

UBND cấp huyện, cấp xã quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm C; trình HĐND cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm B bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, địa điểm, thời gian thực hiện.

Dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý có sử dụng vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh (bao gồm vốn cân đối ngân sách thuộc tỉnh quản lý và vốn cân đối ngân sách phân cấp cho cấp huyện quản lý), sau khi có ý kiến của Hội đồng thẩm định, UBND cấp huyện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư để có ý kiến thẩm định về nguồn vốn và khả năng hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho dự án.

Mục 2

Quyết định đầu tư, thẩm định dự án đầu tư công

Điều 8. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án đầu tư công:

1. Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C do tỉnh quản lý và các dự án đầu tư do cấp huyện, cấp xã quản lý có tổng mức đầu tư từ 10 tỷ đồng trở lên, trừ dự án quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 39 Luật Đầu tư công.

Chủ tịch UBND tỉnh uỷ quyền cho Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tỉnh quyết định đầu tư các dự án sửa chữa kết cấu hạ tầng giao thông do tỉnh quản lý sử dụng vốn thuộc Quỹ bảo trì đường bộ, có tổng mức đầu tư không quá 3 (ba) tỷ đồng đã có trong kế hoạch hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Chủ tịch UBND huyện, thành phố: Quyết định đầu tư Báo cáo kinh tế kỹ thuật (BCKTKT- theo Khoản 2, Điều 5, Nghị định 59/2015/NĐ-CP) do cấp huyện quản lý có tổng mức đầu tư dưới 10 tỷ đồng và BCKTKT do cấp xã quản

lý có tổng mức đầu tư từ 05 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng (bao gồm cả BCKTKT sử dụng vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh như vốn hỗ trợ theo mục tiêu từ trung ương, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn phân cấp theo “Nghị quyết 25/2015/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh quy định các Nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020” và các nguồn vốn khác).

3. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư các BCKTKT do cấp xã quản lý, có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng (bao gồm cả BCKTKT sử dụng vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh như vốn hỗ trợ theo mục tiêu từ trung ương, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn phân cấp theo Nghị quyết 25/2015/HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh quy định các Nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 và các nguồn vốn khác).

4. Trước khi quyết định đầu tư, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã phải kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô của từng dự án theo đúng quy hoạch, chủ trương đầu tư, mục tiêu, hiệu quả... và chỉ được quyết định đầu tư khi xác định rõ nguồn vốn thực hiện dự án và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách.

Điều 9. Thẩm định dự án đầu tư công

1. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng

a) Dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư:

Đối với dự án nhóm A: Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định do một Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, Sở Kế hoạch và Đầu tư là Thường trực Hội đồng thẩm định để thẩm định dự án;

Đối với dự án nhóm B và nhóm C: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan thẩm định dự án.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư.

b) Đối với BCKTKT do cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư:

Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định BCKTKT; trình Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc báo cáo Chủ tịch UBND xã phê duyệt theo thẩm quyền.

2. Đối với dự án có cấu phần xây dựng:

a) Đối với dự án nhóm A:

Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ dự án, làm đầu mối tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (theo quy định tại Điều 76 Nghị định 59/2015/NĐ-CP) chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014. Căn cứ văn bản thẩm định của Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt dự án.

Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách: Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ dự án, làm đầu mối tổng hợp trình UBND tỉnh để báo cáo Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (theo quy định tại Điều 76 Nghị định 59/2015/NĐ-CP) chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ). Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 và tổng hợp kết quả thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt dự án.

b) Đối với dự án quy mô từ nhóm B trở xuống, thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND tỉnh:

(1) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định dự án bao gồm thiết kế cơ sở và các nội dung khác của dự án (đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước) và chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở (đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách) theo Điều 57, 58 Luật Xây dựng; tổng hợp kết quả thẩm định dự án gửi chủ đầu tư và báo cáo UBND tỉnh.

(2) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định các nội dung khác của dự án (nếu có); Thẩm định toàn bộ dự án sửa chữa, bảo trì và nâng cấp sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách có tổng mức đầu tư <5 tỷ đồng do tỉnh quản lý; Tổng hợp kết quả thẩm định gửi chủ đầu tư.

(3) Chủ đầu tư căn cứ ý kiến thẩm định tại Mục (1), (2) Điểm b Khoản 2 nêu trên, đề hoàn chỉnh BCNCKT gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát sự phù hợp với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối các nguồn vốn, tổng hợp trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định đầu tư dự án theo quy định tại Điều 31 Nghị định 136/2015/NĐ-CP về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

c) Các BCKTKT xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện và Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư:

Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện chủ trì thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng.

Phòng Tài chính Kế hoạch căn cứ kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và các nội dung thẩm định khác của các địa phương, đơn vị có liên quan đến BCKTKT; rà soát sự phù hợp với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối các nguồn vốn; tổng hợp kết quả thẩm định trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, phê duyệt BCKTKT; hoặc gửi kết quả thẩm định để Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt (đối với BCKTKT thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp xã).

Đối với BCKTKT có tổng mức đầu tư dưới 100 triệu đồng thuộc cấp xã quản lý, Chủ tịch UBND cấp xã tự tổ chức thẩm định và quyết định đầu tư.

c) Đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP): Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, có trách nhiệm gửi hồ sơ để các Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và các cơ quan có liên quan thẩm định thiết kế cơ sở; góp ý kiến về việc áp dụng đơn giá, định mức, đánh giá

giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng công trình của dự án và các nội dung khác của dự án. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi và tổng hợp kết quả thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt dự án.

Mục 3

Đấu thầu trong hoạt động đầu tư xây dựng; Quyết toán vốn đầu tư; Giám sát, đánh giá đầu tư

Điều 10. Đấu thầu trong hoạt động đầu tư xây dựng:

1. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư có trách nhiệm phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án và BCKTKT xây dựng công trình thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư, giải quyết kiến nghị trong đấu thầu; hủy, đình chỉ hoặc không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu hoặc các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án và BCKTKT xây dựng công trình thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh; thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu của dự án và báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình do UBND tỉnh làm chủ đầu tư.

Sở Y tế chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua thuốc, vật tư y tế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là người có thẩm quyền quyết định.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện có trách nhiệm thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu của BCKTKT xây dựng công trình thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã;

Bộ phận giúp việc liên quan tổ chức thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu của báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình có tổng mức đầu tư dưới 100 triệu đồng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp xã

4. Cơ quan thẩm định chỉ thẩm định trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu đã được bố trí vốn đầu tư. Quy mô gói thầu và tiến độ thực hiện phải phù hợp với kế hoạch vốn.

5. Chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với tất cả các gói thầu thuộc dự án, BCKTKT xây dựng công trình trên cơ sở báo cáo thẩm định của cơ quan, tổ chức thẩm định và thực hiện các nội dung đấu thầu theo đúng quy định.

Điều 11. Quyết toán vốn đầu tư:

1. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư là người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoặc hạng mục công trình hoàn thành (không bao gồm trường hợp được ủy quyền quyết định đầu tư).

2. Sở Tài chính là đầu mối tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành hoặc thẩm tra lại đối với các dự án thuê kiểm toán vốn đầu tư đối với dự án, hạng mục công trình thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện là đầu mối tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành hoặc thẩm tra lại đối với các dự án thuê kiểm toán vốn đầu tư đối với dự án, hạng mục công trình thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND cấp huyện và Chủ tịch UBND cấp xã.

Điều 12. Giám sát, đánh giá đầu tư:

Chủ đầu tư, UBND các cấp có trách nhiệm giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kinh tế xã hội được phân cấp theo quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Giám sát và đánh giá đầu tư; báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và các Bộ, Ngành có liên quan.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Xử lý chuyển tiếp:

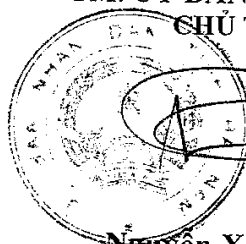
Các dự án đầu tư xây dựng công trình được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực nhưng chưa triển khai thực hiện hoặc đang thực hiện dở dang thì không phải làm thủ tục phê duyệt lại dự án, các công việc tiếp theo được thực hiện theo Quy định này. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ chưa có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì phải thực hiện thẩm định, phê duyệt lại chủ trương đầu tư *(bao gồm cả dự án đã quyết định đầu tư)*. Trường hợp kế hoạch đấu thầu đã phê duyệt nhưng dự án chưa được bố trí vốn và chưa triển khai đấu thầu thì phê duyệt lại kế hoạch đấu thầu theo Quy định này.

Điều 14. Tổ chức thực hiện:

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh, các cơ quan, đơn vị và cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo UBND tỉnh xem xét và giải quyết.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các sở, Ngành liên quan theo dõi, kiểm tra việc thực hiện và định kỳ báo cáo UBND tỉnh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đông